

Số/No.: /GS

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng 03 năm 2017

PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU NĂM 2016
(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015
của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP THỂ THAO NGÔI SAO GERU
Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thể thao Ngôi sao Geru
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301634641
- Vốn điều lệ: 22.000.000.000 đồng (tính đến ngày 31/12/2016)/ VND 22,000,000 cổ phần
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 22.000.000.000 đồng/ VND 22,000,000 cp
- Địa chỉ Địa chỉ: 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, TP. HCM
- Số điện thoại: 08 38425110
- Số fax: 08 38425008
- Website: www.gerusport.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): GER

Quá trình hình thành và phát triển

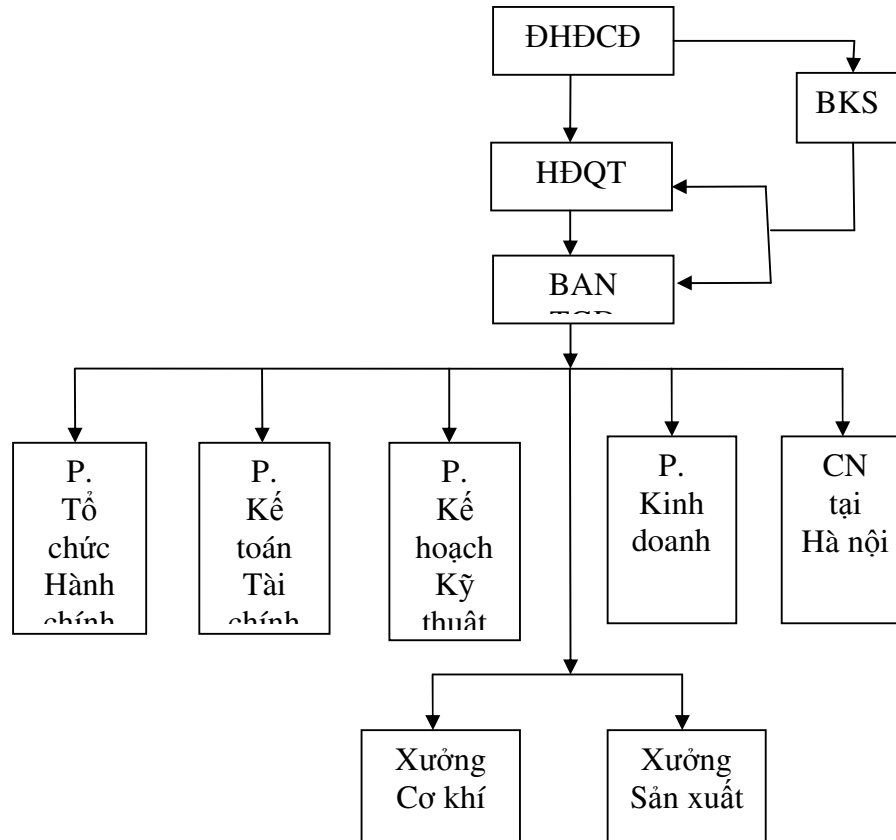
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Tiền thân của Công ty cổ phần thể thao Ngôi sao Geru là Công ty sản xuất và kinh doanh dụng cụ thể thao (doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 410600042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 17/03/2004 trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Thực hiện lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp, Công ty đã đăng ký và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu: Công ty cổ phần thể thao Ngôi sao Geru số: 0301634641 ngày 17/5/2006, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 10/06/2008, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 02/11/2011, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/5/2014.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất
 - o Sản xuất, mua bán các loại dụng cụ thể thao (trừ gia công cơ khí)
 - o Mua bán các loại vật tư, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất dụng cụ thể thao.
 - o Mua bán mũ cao su, nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất độc hại)

- Cho thuê nhà xưởng, kho, bãi.
 - Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)
 - Trong nước và xuất khẩu các nước ở Châu Âu, Châu Mỹ và một số nước ở Châu Á.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Mô hình quản trị: hoạt động theo mô hình UPCOM.
 - Cơ cấu bộ máy quản lý/: tổ chức bộ máy quản lý theo chức năng



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/: Không

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty chủ trương tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng, đẩy mạnh thị phần, thị trường tiêu thụ trong nước, phấn đấu đến năm 2020 doanh thu sản phẩm bóng thị trường trong nước bằng doanh thu sản phẩm bóng xuất khẩu.
- Giữ vững mục tiêu của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam “phát triển sản phẩm Công nghiệp từ Cao su thiên nhiên”

- Tập trung thực hiện tái cấu trúc toàn diện theo hướng hiện đại; Nâng cao tiềm lực tài chính, năng lực cạnh tranh; Đổi mới, nâng cấp mô hình tổ chức, mô hình kinh doanh; Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm; đảm bảo hoạt động của Công ty tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững đồng thời đưa giá trị thương hiệu GERU STAR, GERU SPORT được nâng cao trên thị trường trong nước và quốc tế./
 - Thực hiện tối đa hóa lợi nhuận, không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập của người lao động, đảm bảo lợi ích cổ đông, đồng thời làm tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
- Sản xuất đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm chuyên môn hóa một số mặt hàng xuất khẩu có chất lượng và giá trị cao. Lấy chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo cho sự phát triển;
 - Giữ vững và nâng cao thị phần tại các thị trường truyền thống, phát triển thương hiệu GERU STAR trở thành thương hiệu uy tín trên thương trường nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững./
 - Mở rộng đầu tư nhà máy sản xuất kinh doanh.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.
- Tăng cường và đào tạo đội ngũ công nhân viên có trình độ, tay nghề giỏi, có ý thức tổ chức kỷ luật cao trong lao động sản xuất; chăm lo nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động
 - Tổ chức sản xuất an toàn gắn liền với việc quản lý bảo vệ môi trường, trách nhiệm với cộng đồng và tích cực tham gia công tác xã hội - từ thiện.

5. *Các rủi ro:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)

- Việc cạnh tranh giá giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước; trình độ công nhân trực tiếp sản xuất; các khoản chi phí đầu vào, chi phí tài chính tăng là những nguyên nhân tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rủi ro về luật pháp/ chính sách: Những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty, và ảnh hưởng đến thu hút đầu tư kinh doanh đối với các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước.
- Áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành trong và ngoài nước sẽ vừa là cơ hội và cũng là thách thức cho doanh nghiệp trong việc kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh và duy trì thị phần

II. Tình hình hoạt động trong năm 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 của Công ty tiếp tục có lãi, cụ thể như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2015 | Kế hoạch 2016 | Thực hiện 2016 | % so sánh | |
|-----|--|------------------|------------------|------------------|-----------|---------|
| | | | | | 2016/2015 | TH/KH |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | | |
| | Sản lượng sản xuất (quả) | 1,421,105 | 1,553,000 | 1,296,484 | 91.23% | 83,48% |
| | Sản lượng tiêu thụ (quả) | 1,409,615 | 1,553,000 | 1,274,443 | 90,41% | 82,06% |
| 1 | Doanh thu bán hàng và CCDV | 77,951,292,191 | 82,767,000,000 | 69,181,643,905 | 88.75% | 83.59% |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 3,702,990,578 | 3,749,737,750 | 3,301,953,917 | 89.17% | 88.06% |
| 3 | <i>Doanh thu thuần BH và CCDV</i> | 74,248,301,613 | 79,017,262,250 | 65,879,689,988 | 88.73% | 83.37% |
| 4 | <i>Giá vốn bán hàng</i> | 57,554,094,883 | 59,923,425,247 | 49,692,653,925 | 86.34% | 82.93% |
| 5 | Lợi nhuận gộp về BH và CCDV | 16,694,206,730 | 19,093,837,003 | 16,187,036,063 | 96.96% | 84.78% |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 611,270,686 | 0 | 203,413,549 | 33.28% | 0 |
| 7 | Chi phí tài chính | 1,256,815,876 | 1,500,000,000 | 1,329,374,949 | 105.77% | 88.62% |
| 8 | Chi phí bán hàng | 4,307,064,185 | 5,658,630,110 | 3,951,487,210 | 91.74% | 69.83% |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 8,841,931,541 | 8,884,000,000 | 8,052,809,729 | 91.08% | 90.64% |
| 10 | <i>Lợi nhuận thuần từ HĐ K.Doanh/l</i> | 2,899,665,814 | 3,051,206,893 | 3,056,777,724 | 105.42% | 100.18% |
| 11 | Thu nhập khác | 40,611,937 | | 0 | 0 | 0 |
| 12 | Chi phí khác | 16,003,615 | | 0 | 0 | 0 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 24,608,322 | | 0 | 0 | 0 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 2,924,274,136 | 3,051,206,893 | 3,056,777,724 | 104.53% | 100.18% |
| 15 | Thuế TNDN phải nộp | 681,111,311 | 610,241,400 | 602,927,997 | 88.52% | 98.8% |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 2,243,111,311 | 2,440,965,493 | 2,453,849,727 | 109.36% | 100.50% |
| 17 | Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%) | 6.0 | 6.0 | 6.0 | 100% | 100% |
| 18 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1,019.6 | 1,109.5 | 1,115 | 109.36% | 100.5% |

Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2016 so với kế hoạch và thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2015 về các chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ không đạt kế hoạch đề ra, cụ thể:

+ Sản lượng sản xuất thực hiện năm 2016: 1,296,484 quả đạt 83.48% kế hoạch năm và bằng 91.23 % so với cùng kỳ năm 2015

+ Sản lượng tiêu thụ thực hiện năm 2016: 1,274,443 quả đạt 82.06% kế hoạch năm và bằng 90.41% so với cùng kỳ năm 2015.

Lý do: Trong năm 2016, mặt bằng nhà xưởng nhỏ hẹp, giảm sản lượng khách hàng xuất khẩu truyền thống vào quý 4 nên giảm sút hơn so với kế hoạch và cùng kỳ.

Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều vượt, cụ thể:

+ Lợi nhuận trước thuế đạt: 3,056,777,724 đồng vượt 0.18% kế hoạch năm và vượt 4.53% so với cùng kỳ năm 2015

+ Lợi nhuận sau thuế đạt : 2,453,849,727 đồng vượt 0.53% kế hoạch năm và vượt 9.39% so với cùng kỳ năm 2015.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số CMND | Nơi cấp/ ngày cấp | CP sở hữu | Tỷ lệ % |
|-----|----------------------|-------------------|-----------|-----------------------|-----------|---------|
| 1 | Trần Văn Hạnh | Tổng Giám đốc | 025036355 | TP HCM 19/6/2009 | 0 | 0% |
| 2 | Nguyễn Văn Trạng | Phó Tổng Giám đốc | 024716304 | TP HCM 6/3/2007 | 6.050 | 0,28% |
| 3 | Trần Đại Nghĩa | Phó Tổng Giám đốc | 162765176 | Nam Định 28/7/2003 | 2.000 | 0,09% |
| 5 | Hoàng Thị Bích Thanh | Kế toán trưởng | 025750496 | TP HCM 27/4/2013 | 0 | 0% |

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm) Trong năm 2016, không thay đổi trong ban điều hành.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 223 người tính đến thời điểm 31/12/2016 giảm 8 người so với năm 2015.

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Về chính sách đối với người lao động: Công ty ký kết HĐLĐ với toàn bộ CBCNV, thực hiện thỏa ước lao động tập thể, xây dựng và áp dụng Hệ thống thang lương bảng lương mới, bảo đảm các chế độ về bảo hiểm, quy chế đào tạo, tuyển dụng, đánh giá CBCNV, quy chế khen thưởng-phúc lợi ... phù hợp với luật hiện hành và kết quả hoạt động của Công ty, tạo động lực cho phát triển CBCNV, góp phần phát triển Công ty vững mạnh.
- Củng cố kiện toàn công tác tổ chức và nhân sự tại các đơn vị:
 - + Đảm bảo việc quản lý theo hệ thống dây chuyền sản xuất và thuận lợi cho công tác điều hành.
 - + Thỏa thuận bổ nhiệm lại Trưởng phòng KHKT và Giám đốc xưởng sản xuất.
 - + Rà soát và bổ sung quy hoạch cán bộ chủ chốt 2016 – 2021.
- Tiền lương bình quân CBCNV năm 2016: 4,697,000 đồng/người/tháng tăng 2.8% so với năm 2015./
Trong đó:

- + Viên chức quản lý: 20,826,000đ/ng/tháng
- + Chuyên môn nghiệp vụ: 5,940,000 đ/ng/tháng
- + Bộ phận trực tiếp SXKD: 4,003,000 đ/ng/tháng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2016, Công ty đã đầu tư trong năm: 3,306 tỷ đồng, đạt 98.69% kế hoạch năm.

Trong đó

- Máy bơm cao áp cứu hỏa: 113,6 triệu đồng
- Xây dựng bếp ăn: 501,2 triệu đồng
- Hàng rào, nhà bảo vệ: 94,3 triệu đồng
- Hệ thống máy cán 4 trục: 2,411,2 triệu đồng
- Tư vấn thiết kế, lập báo cáo, thẩm tra báo cáo: 186 triệu đồng

(Trong đó: chi phí xây dựng bếp ăn, hàng rào, tư vấn thiết kế, lập báo cáo, thẩm tra báo cáo là của năm 2015)

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): Công ty không có công ty con, công ty liên kết

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|----------------|----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 49,211,602,060 | 49,950,524,414 | 1.50% |
| Doanh thu thuần | 74,248,301,613 | 65,879,689,988 | -11.27% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 2,899,665,814 | 3,056,777,724 | 5.42% |
| Lợi nhuận khác | 24,608,322 | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 2,924,274,136 | 3,056,777,724 | 4.53% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2,243,111,311 | 2,453,849,727 | 9.39% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 6% | 6% | 0.00% |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu/ Benchmarks | Năm 2015 | Năm 2016 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn= TSNH/Nợ ngắn hạn | 1.74 | 1.72 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh= (TSNH-Hàng tồn kho)/NHN / | 1.07 | 1.00 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0.48 | 0.46 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0.92 | 0.87 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | 3.90 | 3.06 | |
| + số ngày tồn kho | 92 | 117 | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1.51 | 1.32 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 3.02% | 3.72% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 8.76% | 9.17% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 4.56% | 4.91% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 2,200,000 cổ phần
- Trong đó cổ phần đang lưu hành: 2,200,000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 2,200,000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu : không

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông tổ chức: 03, chiếm 2,036,400 cổ phần, tỷ lệ: 92.56%.
- Cổ đông cá nhân: 98, chiếm 163,600 cổ phần, tỷ lệ: 7.44%
- Cổ đông tổ chức lớn (trên 5%): có 02 tổ chức
 - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (cổ đông nhà nước): 1,416,400 cổ phần/ tỷ lệ: 64.38%
 - Công ty CP cao su Phước Hòa: 590,000 cổ phần, tỷ lệ: 26.81%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e) Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

| Tên nguyên vật liệu | Đơn vị tính | Tổng lượng sử dụng để sản xuất trong năm |
|--------------------------|-------------|--|
| Cao su tự nhiên các loại | tấn | 130 |
| Cao su nhân tạo các loại | tấn | 50 |
| Vải giả da các loại | 1.000 Mét | 23 |
| Hóa chất các loại | tấn | 100 |
| CaCO ₃ | tấn | 180 |
| Ruột các loại | 1.000 Cái | 60 |
| Sợi các loại | tấn | 38 |
| Vải | tấn | 40 |
| Xăng các loại | 1.000 Lít | 70 |
| Mủ latex | tấn | 40 |

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: sản phẩm hư hỏng công ty ký kết HĐ với công ty tài nguyên môi trường hủy theo quy định

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: ký hđ sử dụng điện với công ty điện lực trả theo hạn mức

❖ Điện

Điện khối văn phòng: 96,000 Kw

Điện sản xuất: 1,000,000 Kw

❖ Hơi: nhằm đảm bảo điều kiện môi trường theo quy định, Công ty ký HĐ với đơn vị cung cấp hơi, sử dụng trấu để sản xuất hơi

Xưởng sản xuất: 4.000 tấn

❖ Xăng xe

Khối văn phòng: + Xăng xe: 8.000 lít xăng

+ Dầu 1.500 lít dầu

Xưởng sản xuất + Dầu: 4.000lít dầu/

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

+ Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV Chi nhánh Tân Hòa , nước thủy cục: $150 \times 12 \text{ tháng/month} = 1.800 \text{ m}^3$

+ Nước giếng khoan: $26-30 \text{ m}^3 \text{ ngày} \times 26 \times \text{tháng} = 9.360 \text{ m}^3$

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

+ Nước giếng khoan tái chế sử dụng lại.: $8-12 \text{ m}^3 \text{ ngày} \times 26 \times \text{tháng} = 3.744 \text{ m}^3$

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

+ Số lao động bình quân: **218 lao động**

+ Lương bình quân: 4,892,936 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

+ Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo quy định với tổng số tiền 50,750,000 đồng, gồm các nội dung khám sau

- Khám tổng quát
- Siêu âm tổng quát
- Chụp X Quang tim, phổi
- Xét đường huyết
- Men gan: AST, ALT,GGT
- Tổng phân tích nước tiểu

Riêng đối với lao động nữ tổ chức khám thêm phụ khoa..

Kết quả khám sức khỏe năm 2016:

- + Sức khỏe loại I: 13
- + Sức khỏe loại II: 76
- + Sức khỏe loại III: 104
- + Sức khỏe loại IV: 4

Trong năm 2016 công ty tổ chức tập huấn ATLĐ – VSLĐ cho người lao động thuộc bộ phận Bảo vệ, nhân viên phòng KH-KT, công nhân trực tiếp sản xuất và 11 lao động sửa chữa – bảo trì thuộc xưởng Cơ khí với tổng số tiền 6,700,000 đồng./

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Khi tuyển dụng lao động mới Công ty tổ chức cho thử việc và đào tạo cho người lao động, năm 2016 công ty tuyển

Văn phòng: 3.000 giờ với tổng số tiền 45.000.000 đồng

Xưởng sản xuất: 6.000giờ với tổng số tiền 100.000.000 đồng

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Nhằm nâng cao tay nghề, trình độ làm việc cho CBCNV công ty thường xuyên cử cán bộ, người lao động tham gia các lớp tập huấn ngắn hạn với tổng kinh phí 74.400.000 đồng gồm các lớp

- + Tập huấn nâng cao năng lực quản trị tài chính
- + Tập huấn ATLĐ – VSLĐ
- + Tập huấn phòng cháy chữa cháy
- + Tập huấn pháp chế doanh nghiệp
- + Tập huấn nghiệp vụ giám sát. Công tác ISO
- + Cao cấp chính trị

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng. Trong năm, Công ty có tham gia vận động CBCNV đóng góp cho các hoạt động từ thiện trên địa bàn quận và thành phố.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu thực hiện trong năm 2016 là 69,181,643,905 đạt 83,48% kế hoạch, bằng 91.23% so với năm 2015/

Trong đó:

- + Doanh thu nội địa: 31,891,799,921 đồng chiếm 46,10% tổng doanh thu
- + Doanh thu xuất khẩu: 37,041,823,984 đồng chiếm 53,54% tổng doanh thu
- + Doanh thu khác: chiếm 0,36% tổng doanh thu

Năm 2016 là năm đặc biệt khó khăn, doanh thu vào quý 4 giảm rõ rệt so với các năm trước, thị trường nội địa giảm sút, khách hàng xuất khẩu (đặc biệt là khách hàng truyền thống Mutimax Peru quý 4 không đặt hàng) nên doanh thu của cả năm không đạt kế hoạch và không bằng cùng kỳ năm 2015. Tuy nhiên, Công ty đã cố gắng tiết kiệm các khoản chi phí nên tổng lợi nhuận kế toán trước thuế vẫn đạt kế hoạch đề ra là 3,056,777,724 đồng, đạt 100.19% kế hoạch/

- Những tiến bộ công ty đã đạt được Nghiên cứu sản xuất nhiều sản phẩm mới, mẫu mã mới được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận, cải tiến quy trình công nghệ sản xuất hiệu quả, xây dựng hoàn thiện hệ thống đại lý trong cả nước, hoạt động xúc tiến thương mại phong phú đa dạng, bóng rổ là bóng thi đấu chính thức do Liên đoàn bóng rổ Việt Nam tổ chức, đang đăng ký bóng rổ FIBA do LĐBR Thế giới công nhận/

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản của Công ty năm 2016 là: 49,950,524,414 đồng, tăng 1.50% so với năm 2015.

Trong đó

- Tài sản lưu động: 39,794,679,893 đồng, giảm 3.19% so với cùng kỳ năm 2015 là do:

| | |
|--|--------|
| ▪ Tiền và các khoản tương đương tiền giảm: | 26.67% |
| ▪ Các khoản phải thu giảm: | 8.97% |
| ▪ Hàng tồn kho tăng: | 3.77% |
| ▪ Tài sản ngắn hạn khác tăng: | 19.23% |

- Tài sản dài hạn: 10,155,844,521 đồng, tăng 25.32% so với cùng kỳ năm 2015 là do

| | |
|------------------------|--------------------|
| ▪ Tăng TSCĐ trong năm: | 3,306,312,355 đồng |
|------------------------|--------------------|

- Hiệu quả sử dụng tài sản:

- o Hệ số LNST/Tổng tài sản là 4.91%, tăng hơn so với cùng kỳ năm 2015 là 4.56%, chứng tỏ công ty đã sử dụng tài sản có hiệu quả hơn năm 2015

- Trong cơ cấu tài sản có tài sản xấu (nợ xấu) gồm 12 khách hàng và công ty đã lập dự phòng năm 2015 là: 485,433,279 đồng, năm 2016 bổ sung thêm: 105,034,677 đồng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm 2016 như sau:

- o CH Phạm Anh Tuấn: dự phòng thêm: 6,996,677 đồng
- o Cty Thành Trang: dự phòng thêm: 98,038,000 đồng

- Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến hoạt động sản xuất kinh doanh làm tăng doanh thu tài chính : 196,065,974 đồng

- Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá làm tăng chi phí tài chính: làm tăng chi phí 56,34 triệu/

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

- o Tổng nợ phải trả cuối kỳ năm 2016 là: 23,202,083,318 triệu đồng, giảm 1.67% so với cùng kỳ năm 2015
- o Trong đó: Nợ ngắn hạn là: 23.202,083,318 đồng, giảm 1.67% so với cùng kỳ và không có nợ dài hạn

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có

- o Công ty thanh toán đúng hạn các khoản vay vốn của ngân hàng. Không phát sinh các khoản nợ phải trả xấu, về ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả SXKD và ảnh hưởng chênh lệch lãi vay không đáng kể. Các khoản nợ vay ngắn hạn đều thanh toán đầy đủ, kịp thời cả gốc và lãi

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- o Luôn định hướng xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý tinh gọn hiệu quả, duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

+ Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017::

- Sản lượng sản xuất: 1,403,400 quả
- Sản lượng tiêu thụ: 1,403,400 quả
- Doanh thu tiêu thụ: 76,065,000.000 đồng

Trong đó:

- + Xuất khẩu: 40,610,500,000 đồng/VND
- + Nội địa: 35,154,500,000 đồng/VND
- + Doanh thu khác: 500,000,000 đồng/VND
- Lợi nhuận trước thuế: 3,132,000,000 đồng/VND
- Lợi nhuận sau thuế: 2,505,600,000 đồng/VND
- Tỷ lệ chia cổ tức: 6%

+ Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản: **930,000,000 đồng/VND**

- Máy Photocopy: 60,000,000 đồng/VND
- Máy điều hòa: 75,000,000 đồng/VND
- Máy tiện: 120,000,000 đồng/VND
- Máy hàn TIC: 95,000,000 đồng/VND
- Công trình xây lắp (đang dở dang 2016) 580,000,000 đồng/VND

Mục tiêu đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất của Công ty, nâng công suất xưởng, giảm giá thành sản phẩm, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động/

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Đạt yêu cầu

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Tạo việc làm cho hơn 220 lao động, tạo điều kiện để họ yên tâm phát triển cả trong công việc và cuộc sống. không chỉ dừng lại ở mức lương thưởng, bảo đảm

an toàn lao động, Ban lãnh đạo luôn đặc biệt quan tâm đến đời sống của CBCNV, tổ chức cho người lao động tham quan nghỉ mát, tham gia các chương trình văn hóa văn nghệ do ngành cao su tổ chức và luôn có các chính sách có lợi cho người lao động/

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Trong nhiều năm liền, công ty hỗ trợ quỹ khuyến học trong ngành cao su, hỗ trợ quỹ vì người nghèo của địa phương trong các dịp lễ tết .../

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, văn bản phê duyệt đầu tư để chỉ đạo Ban TGD thực hiện SXKD và đầu tư theo kế hoạch đã phê duyệt/
- Giám sát công tác chỉ đạo, điều hành SXKD và đầu tư của Ban TGD. HĐQT có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp Ban TGD, đảm bảo việc thực thi các NQ của ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT; các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2016 an toàn, tuân thủ đúng pháp luật
- Kiểm tra việc duy trì áp dụng điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và rà soát sửa đổi bổ sung kịp thời phù hợp với pháp luật/
- Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của Ban TGD, các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT/
- Chủ tịch HĐQT thường xuyên kiểm tra nội dung các cuộc họp giao ban, kiểm điểm của Ban TGD, họp kế hoạch của Công ty để giải quyết những vướng mắc khó khăn nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động SXKD/
- Chủ tịch HĐQT thường xuyên chỉ đạo Ban TGD việc thu hồi các khoản vốn, công nợ cũng như huy động các nguồn vốn khác đáp ứng kịp thời cho SXKD/
- Chỉ đạo thực hiện việc kiểm toán soát xét báo cáo tài chính năm 2016 theo đúng các quy định chuẩn mực kế toán/

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hàng quý, HĐQT đều tiến hành thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD và bàn kế hoạch quý sau do Tổng giám đốc điều hành trình bày. Trên cơ sở Nghị quyết HĐQT, Tổng giám đốc thực hiện điều hành theo đúng phân cấp thẩm quyền. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết đều báo cáo xin ý kiến HĐQT xem xét cho chủ trương để thực hiện/
- Hàng quý đều có thông qua kiểm tra tiến độ thực hiện công việc và bàn các giải pháp xử lý các tình huống phát sinh do Tổng giám đốc điều hành đề xuất, kiến nghị/
- Hoạt động giám sát được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty/

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nhằm thực hiện mục tiêu của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam: “Mở rộng, phát triển các sản phẩm Công nghiệp từ cao su thiên nhiên” để sản xuất các loại bóng rổ, bóng đá, bóng chuyền bằng cao su. HĐQT sẽ chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra những biện pháp ứng phó và

định hướng hoạt động phù hợp. Các thành viên HĐQT tăng cường phối hợp, hỗ trợ thường xuyên công tác điều hành, các hoạt động kinh doanh liên quan mua bán cao su, vay tín dụng v.v.../

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Tổng CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|----|---|---|----------------|-----------|
| 1 | Trần Minh đại diện Tập đoàn CN cao su VN | CT HĐQT – Giám tiếp điều hành | 756,400 | 34.38 |
| 2 | Trần Văn Hạnh đại diện Tập đoàn CN cao su VN | UV HĐQT – TGĐ Trực tiếp điều hành | 660,000 | 30.00 |
| 3 | Đặng Đôn Cur đại diện Cty CP cao su Phước Hòa | UV HĐQT Giám tiếp điều hành | 590,000 | 26.82 |
| 4 | Nguyễn Văn Trọng | UV HĐQT- PTGD trực tiếp điều hành | 6,050 | 0,275 |
| 5 | Hoàng Anh Tuấn | UV HĐQT Chủ tịch CĐ trực tiếp điều hành | 2,200 | 0.10 |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

| Stt | Số NQ/ QĐ/ | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|---|
| 1 | Nghị quyết số: 10/NQ/HĐQT-GS | 23/03/2016 | <ul style="list-style-type: none"> - Phê chuẩn báo cáo kết quả SXKD năm 2015, báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán, báo cáo của BKS năm 2015. Xác định phương án phân phối lợi nhuận năm 2015; Tỷ lệ chia cổ tức, trích lập các quỹ để trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 - Phê chuẩn kế hoạch SXKD năm 2016 về: Sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB, tiền lương, mức thù lao HĐQT – BKS; lựa chọn Công ty kiểm toán - Giới thiệu bổ sung 2 TV HĐQT và giới thiệu TBKS |
| 2 | Nghị quyết : 29/NQ/ĐHC Đ | 29/04/2016 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS năm 2015. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2015 - Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận 2015 - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2016 - Thông qua danh sách Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021. Chủ tịch HĐQT: Ông Trần Minh - Thông qua danh sách thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 Trưởng ban Kiểm soát bà Võ Trần Thúy Tâm |
| 3 | Nghị quyết: 46/2015 | 23/06/2016 | - Thống nhất với báo cáo SXKD 5 tháng đầu năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ chủ yếu 7 tháng cuối năm 2016 |

| | | | |
|---|----------------------------|------------|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Giao cho TGD lập kế hoạch và phân đầu thực hiện các biện pháp để hoàn thành kế hoạch mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 - Đề nghị ban điều hành tiết giảm chi phí sản xuất, giảm phế phẩm, tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh - Ban lãnh đạo Công ty cần xây dựng đề án, chiến lược phát triển công ty đến 2020, trong đó lập phương án di dời, lựa chọn vị trí mới phù hợp để ổn định và mở rộng sản xuất, xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm của Công ty, tính toán chi phí di dời thấp nhất. thống nhất thành lập Ban xây dựng chiến lược phát triển công ty - Giao TGD sửa đổi, bổ sung điều lệ hoạt động của Công ty phù hợp với Luật DN 68/2014//QH13 - Quan tâm sâu sát đến đời sống người lao động, tiếp tục phát huy các phong trào, chương trình của Công đoàn theo chiều hướng có ích cho người lao động. Tạo điều kiện làm việc, nghỉ ngơi, vui chơi cho toàn thể CB-CNV trong Công ty - Bàn giao chủ tịch HĐQT |
| 4 | Nghị quyết; No. 54/2014 | 29/11/2016 | <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2016 và nhiệm vụ chủ yếu 3 tháng cuối năm 2016 - Thống nhất phương án di dời và xây dựng phát triển công ty, trước mắt đề nghị BĐH tăng hiệu quả gia công của đơn vị ngoài và lắp ráp tại Công ty, để giảm chi phí sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và để tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra thường xuyên liên hệ với chính quyền địa phương để nắm bắt thông tin về công tác di dời được kịp thời, từ đó có phương án và kế hoạch cụ thể hơn. - Giao TGD tiếp tục rà soát, sửa đổi điều lệ hoạt động của Công ty cho phù hợp với luật DN hiện hành, trình HĐQT xem xét trước khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. - Cần quan tâm sâu sát đến đời sống của anh em công nhân, có chế độ đãi ngộ tốt, có chính sách tăng lương phù hợp - Thông qua danh sách bổ nhiệm lại các chức danh trưởng đơn vị của Công ty. |

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Có 02 thành viên HĐQT gián tiếp điều hành, và trực tiếp họp HĐQT hàng quý
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Không

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

| TT | Thành viên BKS/ | Chức vụ | Tổng CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|----|------------------|---------|----------------|-----------|
| 1 | Võ Trần Thúy Tâm | TBKS | 1,200 | 0,055 |
| 2 | Phạm Thị Hiên | UV BKS | 1.000 | 0,045 |
| 3 | Dương Duy Phú | UV BKS | 0 | 0 |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Ban kiểm soát tổ chức họp 4 lần nhằm kiểm tra đánh giá việc thực hiện chức năng kiểm soát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết HĐQT và công tác quản lý điều hành của Tổng giám đốc công ty

Nội dung họp BKS đều tập trung đánh giá hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc. Mọi hoạt động của Công ty đều thực hiện theo Nghị quyết, đúng pháp luật và điều lệ công ty

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

+Thù lao HĐQT:

| STT | HỌ VÀ TÊN | THÙ LAO TRONG NĂM | GHI CHÚ |
|-----|------------------|-------------------|---------|
| 1 | TRẦN MINH | 16,000,000 | |
| 2 | ĐẶNG QUANG TRUNG | 8,000,000 | |
| 3 | TRẦN VĂN HẠNH | 18,000,000 | |
| 4 | ĐẶNG ĐÔN CỬ | 18,000,000 | |
| 5 | NGUYỄN VĂN MINH | 6,000,000 | |
| 6 | NGUYỄN VĂN TRẠNG | 12,000,000 | |
| 7 | HOÀNG ANH TUẤN | 12,000,000 | |
| | TỔNG CỘNG | 90,000,000 | |

+ Tổng thù lao BKS, thư ký giúp việc:

| STT | HỌ VÀ TÊN | THÙ LAO TRONG NĂM | GHI CHÚ |
|-----|------------------|-------------------|---------|
| 1 | DƯƠNG DUY PHÚ | 18,000,000 | |
| 2 | LÊ THỊ MINH THU | 6,000,000 | |
| 3 | HOÀNG ANH TUẤN | 4,000,000 | |
| 4 | PHẠM THỊ HIỀN | 8,000,000 | |
| | TỔNG CỘNG | 36,000,000 | |

+ Tổng tiền lương TBKS:

| STT | HỌ VÀ TÊN | THÙ LAO TRONG NĂM | KHÁC | GHI CHÚ |
|-----|------------------|-------------------|------------|---------|
| 1 | VÕ TRẦN THÚY TÂM | 114,000,000 | 11,385,000 | |

+Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và KTT:

| STT | HỌ VÀ TÊN | THÙ LAO TRONG NĂM | KHÁC | GHI CHÚ |
|-----|----------------------|--------------------|--------------------|---------|
| 1 | TRẦN VĂN HẠNH | 291,600,000 | 28,831,000 | TGD |
| 2 | NGUYỄN VĂN TRẠNG | 251,400,000 | 31,266,000 | PTGD |
| 3 | TRẦN ĐẠI NGHĨA | 239,400,000 | 18,100,000 | PTGD |
| 4 | HOÀNG THỊ BÍCH THANH | 216,600,000 | 29,451,000 | KTT |
| | TỔNG CỘNG | 999,000,000 | 107,648,000 | |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: *không có*)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: *không*)

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty không có nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

Để xem chi tiết báo cáo tài chính công ty đã kiểm toán các cổ đông vui lòng xem tại đường link: <http://gerusport.com.vn/> chọn mục **công bố thông tin** chọn **Báo cáo tài chính** chọn Báo cáo tài chính 2016 đã kiểm toán

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Hạnh